

Số 10/2024/QĐST-HNGĐ

Hà Tĩnh, ngày 22 tháng 3 năm 2024,

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Thẩm phán chủ tọa phiên họp: Ông Bùi Văn Lam

Thư ký ghi biên bản phiên họp: Bà Trần Thị Thúy Hạnh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Văn Quyết- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 01/2024/TLST-HNGĐ ngày 05/01/2024, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, theo Quyết định mở phiên họp số 09/2024/QĐ-TA ngày 06 tháng 3 năm 2024, bao gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

1. Anh Bùi Đức C; sinh ngày 28/4/1981; CCCD số 042081012025; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố B, phường Đ, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt tại phiên họp).

2. Chị Trần Thị H, sinh ngày 16/02/1986; Số định danh cá nhân: 042186016139; Hộ chiếu số **C1177008**; Nơi ĐKHKTT trước khi xuất cảnh: Tổ dân phố B, phường Đ, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Chỗ ở hiện nay S, m29 L (vắng mặt tại phiên họp).

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo Đơn yêu cầu thuận tình ly hôn, Bản tự khai của anh Bùi Đức C và chị Trần Thị H cũng như các tài liệu khác, vụ việc có nội dung như sau:

1. Quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Đức C, chị Trần Thị H đều trình bày: Anh và chị đăng ký kết hôn vào ngày 08/6/2004 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Việc kết hôn tự nguyện, đúng quy định. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm

2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do bất đồng quan điểm, vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên tranh cãi, tình cảm không còn, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2009. Tháng 11/2020 chị H đi lao động tại nước Ba Lan. Từ thời điểm đó đến nay vợ chồng không liên lạc. Nay, anh C và chị H xác định tình cảm không còn, không mong muốn tiếp tục duy trì quan hệ vợ chồng nên cả hai đều có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh công nhận thuận tình ly hôn.

2. Quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung. Họ và tên: Bùi Huy H1, sinh ngày 22/10/2004. Hiện nay con chung đã trên 18 tuổi.

3. Quan hệ tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên họp, anh Bùi Đức C giữ nguyên các yêu cầu. Chị Trần Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau, đề nghị Tòa án áp dụng khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 1 Điều 39, các Điều 464, 469 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 51, 55, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của các đương sự: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Đức C và chị Trần Thị H. Về con chung: Con chung đã trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, không xem xét. Về lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận sự tự nguyện nộp lệ phí ly hôn sơ thẩm của anh Bùi Đức C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của anh Bùi Đức C và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Bùi Đức C và chị Trần Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Đ, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh, đều có yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giải quyết việc hôn nhân gia đình. Chị Trần Thị H hiện đang cư trú tại nước ngoài (có xác nhận của Đ tại Ba Lan). Căn cứ quy định tại các Điều 29, 35, 37, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Các tài liệu chứng cứ của chị Trần Thị H gửi về qua đường bưu điện đã được chứng thực bởi cơ quan có thẩm quyền tại nước ngoài là tài liệu hợp pháp.

[1.3] Tại phiên họp chị Trần Thị H vắng mặt, tuy nhiên chị đã có yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt người yêu cầu Trần Thị H theo thủ tục chung.

[2.] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Đức C và chị Trần Thị H tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đã tuân thủ các điều kiện và đăng ký kết hôn vào ngày 08/6/2004 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định tại Điều 9, Điều 11,

Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân của anh Bùi Đức C và chị Trần Thị H là hợp pháp.

Xác định tình trạng hôn nhân của anh C và chị H thấy rằng: Theo trình bày của hai anh chị thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2009. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên tranh cãi. Cuối năm 2009 vợ chồng sống ly thân, từ tháng 11/2020 khi chị H ra nước ngoài lao động, vợ chồng cắt đứt liên lạc. Cả hai đều xác định tình cảm không còn, không mong muốn duy trì quan hệ hôn nhân, có nguyện vọng được ly hôn.

Như vậy, vợ chồng đã không thực hiện nghĩa vụ “Thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình” (Khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình) và “không cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc”, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

[3] Quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung. Họ và tên: Bùi Huy H1, sinh ngày 22/10/2004. Con chung đã trên 18 tuổi, nên Tòa án không xem xét.

[4] Quan hệ tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình: Anh Bùi Đức C tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 29, 35, 37, 39, 361, 367, 369, 370, 371, 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 3 Điều 2, các Điều 19, 51, 55, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Điều 35, 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Đức C và chị Trần Thị H.

2. Về lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình: Chấp nhận sự tự nguyện nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm của anh Bùi Đức C (đã nộp tại biên lai số 0000756 ngày 04/01/2024 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 22/3/2024.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND nơi thực hiện ĐKKH;
- Đương sự; Lưu.

THẨM PHÁN- CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP

Bùi Văn Lam

